TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128**/2025/HS-PT
Ngày: 28/8/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai. Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 298/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Thị Kim T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai).

** Bị cáo bị kháng cáo:*

Hoàng Thị Kim T - sinh ngày 10/9/1979 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi ĐKHKTT: số A đường N, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là số A đường N, phường Đ, tỉnh Gia Lai); chỗ ở hiện nay: số C đường M, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã T, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Phấn H và bà Nguyễn Thị P (đều chết); có chồng: Lê Phú T1 (sinh năm 1979) và có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002); tiền sự: không.

- Tiền án: ngày 29/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Bị bắt, tạm giam ngày 07/9/2022 đến ngày 19/01/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Bắt giam lại ngày 29/11/2023. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Thị Kim T*:* bà Phan Thị T2 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* bà Văn Thị Thu H1 - sinh năm 1982.

Trú tại: số G đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà* Văn Thị Thu H1*:* ông Đỗ Hải B và bà Phạm Thị My L1 - Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Các Luật sư đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ giữa năm 2020, Hoàng Thị Kim T thường vay tiền của bà Văn Thị Thu H1 để làm dịch vụ "đáo hạn ngân hàng" nên quen biết nhau. Đến khoảng giữa tháng 8 năm 2020, do bị mất khả năng thanh toán các khoản vay cá nhân nên T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bà H1. Để tạo lòng tin cho bà H1, T nói dối với bà H1 có biết nhiều người có xe ôtô nhưng đã thế chấp vay tiền ngân hàng, ngân hàng chỉ giữ bản chính giấy đăng ký xe, người chủ xe vẫn còn giữ chiếc xe và bản sao giấy đăng ký, bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật (đăng kiểm) và có nhu cầu muốn vay thêm tiền, hỏi bà H1 có đồng ý cho vay không. Điều kiện cho vay là người vay sẽ giao chiếc xe cùng các loại giấy tờ trên cho bà H1 giữ làm tin, khi nào trả tiền sẽ lấy lại, lãi suất cho vay 06%/tháng, tiền lãi sẽ trừ trước 01 tháng vào tiền gốc. Việc cho vay này hai bên sẽ cùng lập "Hợp đồng cho vay" và "Hợp đồng cho thuê xe" theo mẫu được in sẵn. Ở "Hợp đồng cho vay" người vay tiền sẽ ký tại mục "Bên vay", còn T sẽ ký tại mục "Xác nhận của bên thứ 3" với tư cách là người làm chứng, tại mục "Bên cho vay" sẽ để trống thông tin; ở "Hợp đồng cho thuê xe" thì người vay tiền sẽ ký tại mục "Bên cho thuê", còn mục "Bên thuê" sẽ để trống thông tin. T là người trực tiếp ghi thông tin trên các hợp đồng tại các mục cần thiết theo mẫu in sẵn. Thoa giải thích mục đích làm như vậy để trong trường hợp bà H1 cần chuyển các khoản nợ cho vay này sang cho người khác thì chỉ cần giao lại các hợp đồng cũ chứ không cần phải lập hợp đồng khác. T nói với bà H1 nếu đồng ý cho vay thì vừa có tiền lãi, vừa có xe ôtô để đi lại hoặc có thể cho thuê xe tự lái kiếm thêm tiền. Ngoài việc nói chuyện trực tiếp, T và bà H1 còn nhắn tin trao đổi nội dung này với nhau. Theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ từ nội dung tin nhắn giữa T và bà H1 xác định: bà H1 hỏi T "giấy tờ sao chị", T trả lời "chính chủ", "xe đang ngân hàng trả góp, họ cầm tạm", "cầm xe ngân hàng chắc chắn họ không bỏ, họ bỏ cũng phải nộp ngân hàng"… Bà H1 tin tưởng lời T nói

là thật nên đồng ý, mỗi chiếc xe như vậy sau khi giao dịch xong bà H1 cho T vài triệu đồng.

Từ đó, khi có thông tin về xe ôtô nào mà các cơ sở hoặc cá nhân cầm đồ muốn thanh lý, T liên hệ để biết về đặc điểm, chủng loại xe, số tiền cần thanh lý, hình ảnh… rồi đến gặp bà H1 để nói dối với bà H1 là chủ xe cần thế chấp vay tiền, số tiền cần vay sẽ do T tự cân nhắc đưa ra sao cho phù hợp với giá trị của chiếc xe nhưng bao giờ cũng cao hơn nhiều số tiền các cơ sở cầm đồ cần thanh lý. Chiếc xe nào bà H1 đồng ý thì bà H1 sẽ đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản của T, T mua lại chiếc xe này và vài ngày sau mang xe kèm theo các giấy tờ và các "Hợp đồng vay tiền", "Hợp đồng cho thuê xe" giao cho bà H1. Mọi giao dịch giao nhận tiền vay, giao nhận xe, trả lãi tiền vay… đều do T và bà H1 giao dịch trực tiếp. T nói dối với bà H1 để T làm trực tiếp với bà H1, bà H1 không cần làm việc trực tiếp với chủ xe (đồng thời là người vay tiền) nhằm che dấu sự thật là không có người chủ xe nào thế chấp xe, vay tiền của bà H1. Các xe đầu, T nói với bà H1 trừ trước tiền lãi 01 tháng đầu, các tháng sau đó chủ xe sẽ chuyển khoản tiền lãi vay cho T rồi T sẽ chuyển cho bà H1. Thoa duy trì thực hiện đúng như vậy trong 1 đến 2 tháng đầu tiên nên bà H1 càng tin tưởng những lời T nói là sự thật và đồng ý cho vay thêm tiền cho các trường hợp xe khác nữa. Sau đó, T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có người cần thuê xe tự lái nên hỏi bà H1 cho thuê để kiếm thêm tiền. T nói cụ thể tên người cần thuê xe kèm theo bản sao các giấy tờ có thông tin nhân thân của họ cho bà H1 xem. T cũng nói sẽ lập "Hợp đồng cho thuê xe", người thuê xe sẽ ký tên vào hợp đồng và bà H1 giữ hợp đồng này, bà H1 giao xe cho T và T sẽ giao lại cho người thuê. Vì tin lời T nói là thật nên bà H1 đồng ý và làm theo. Sau khi nhận xe từ bà H1, T đem bán các xe này lấy tiền.

Với thủ đoạn nêu trên, từ tháng 8/2020 đến tháng 11/2020, T đã giao cho bà H1 03 chiếc xe ôtô mang biển số 83A-082.98, biển số 60A-732.39, biển số 47A-243.47 để lấy tiền vay. Sau đó, T lập hợp đồng thuê lại 03 chiếc xe ôtô này rồi đem bán cho người khác. T chiếm đoạt tiền của bà H1 với tổng số tiền: 932.600.000đồng, dùng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, cũng với thủ đoạn như trên, T còn giao 02 chiếc xe ôtô biển số 60A-701.64 và 51H-189.81 cho bà H1 làm tin để lấy số tiền 1.000.000.000đồng (xe ôtô 60A-701.64: 450.000.000đồng; xe ôtô 51H-189.81: 550.000.000đồng). Trong quá trình điều tra, các bên đã tự giải quyết như sau:

- Đối với chiếc xe ôtô biển số 60A-701.64: chiếc xe này bà H1 cho người khác thuê đã vi phạm luật giao thông đường bộ, vi phạm quy định phòng chống dịch Covid-19 nên bị Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố Q tạm giữ. Ngày 08/01/2023, gia đình bị cáo T đã hoàn trả cho bà H1 số tiền 200.000.000đồng. Bà H1 đồng ý nhận tiền và xác nhận trong vụ việc cầm cố xe 60A-701.64 không bị T chiếm đoạt gì, không yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ việc,

phần còn lại liên quan đến chiếc xe này bà H1 có trách nhiệm làm việc với chủ xe, các cơ quan chức năng hoặc các bên liên quan để giải quyết.

- Đối với chiếc xe ôtô biển số 51H-189.81: gia đình bị cáo T, bà H1 và ông Phạm Đức T3 (chồng của bà Nguyễn Thị Uyên L2 - chủ sở hữu chiếc xe ôtô 51H-189.81, được bà L2 ủy quyền giải quyết) cũng đã thỏa thuận thống nhất: gia đình bị cáo T hoàn trả cho bà H1 150.000.000đồng, ông T3 giao cho bà H1 300.000.000đồng và bà H1 đã giao trả lại xe ôtô 51H-189.81 cho ông T3. Đồng thời, bà H1 cũng xác nhận trong vụ việc cầm cố xe 51H-189.811 không bị T chiếm đoạt gì nên không yêu cầu giải quyết vụ việc.

Tuy nhiên, quá trình điều tra lại, bà H1 cho rằng: kể từ thời điểm Hoàng Thị Kim T nói dối với mình về nguồn gốc 02 chiếc xe ôtô 60A-701.64 và 51H-189.81 cũng như thông tin người vay và thế chấp 02 chiếc xe ôtô này cho mình và nhận số tiền tổng cộng 1.000.000.000đồng là đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên đề nghị xử lý hành vi phạm tội hình sự này của bị cáo T. Đồng thời, bà H1 cũng thay đổi yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền 250.000.000đồng còn lại mà T đã cầm cố chiếc xe chiếc xe ôtô 60A-701.64. Riêng đối với số tiền 550.000.000đồng mà T cầm cố chiếc xe 51H-189.81 đã giải quyết xong nên bà H1 không yêu cầu gì nữa. Nhưng bị cáo T đề nghị bà H1 phải giao trả lại chiếc xe 60A-701.64 thì bị cáo mới hoàn trả 250.000.000đồng còn lại cho bà H1. Tuy bị cáo T có hành vi đưa ra thông tin gian dối và cầm cố cho bà H1 02 chiếc xe ôtô 60A-701.64 và 51H-189.81 để vay 02 lần với tổng số tiền 1.000.000.000đồng, nhưng tài sản thế chấp để vay tiền là 02 chiếc xe ôtô trên vẫn do bà H1 quản lý. Tiếp đó, bà H1 và gia đình bị cáo T cùng với các chủ xe ôtô cũng đã thỏa thuận thống nhất hoàn trả lại cho nhau các tài sản như ban đầu nên không thể cho rằng bị cáo T đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên của bà H1. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh B không xử lý hành vi này của bị cáo T là có căn cứ.

* Tại bản Kết luận giám định số 177/PC09 ngày 30/6/2021 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: chữ viết, chữ ký ghi họ tên Hoàng Thị Kim T trên các mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký của Hoàng Thị Kim T trên các mẫu so sánh "là do cùng một người viết ra, ký ra".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 47/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai) đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử phạt: Hoàng Thị Kim T 07 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm

giữ, tạm giam ngày 29/11/2023, được trừ thời gian tạm giam ngày 07/9/2022 đến ngày 19/01/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2025, bị hại bà Văn Thị Thu H1 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Kim T vì bị cáo có tiền án nhưng tiếp tục phạm tội. Đối với hai chiếc xe Camry và CX5 xử lý bị cáo Hoàng Thị Kim T về hành vi lừa đảo. Yêu cầu bị cáo T bồi thường cho bà 350.000.000đồng và truy thu 6.013.000.000đồng là hành vi vay tiền để đáo hạn ngân hàng nhưng bị cáo làm sai mục đích.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị hại bà Văn Thị Thu H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 07 năm 06 tháng tù là phù hợp. Các nội dung kháng cáo còn lại của bị hại bà Văn Thị Thu H1 không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Văn Thị Thu H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư Phan Thị T2 bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Kim T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại bà Văn Thị Thu H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị Kim T: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Hoàng Thị Kim T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong tháng 8 và tháng 9 năm 2020, Hoàng Thị Kim T đã đưa ra thông tin gian dối với bà Văn Thị Thu H1 là có người cần vay tiền, sẽ thế chấp 03 xe ôtô "chính chủ" của họ, T sẽ là người môi giới giúp bà H1 vừa cho vay để "kiếm lãi", đồng thời vừa có xe ôtô để đi lại hoặc cho thuê xe tự lái. Bà H1 tin thông tin nay là sự thật nên đã đưa tiền cho T. T đã dùng tiền này để mua các xe ôtô (BKS 83A-082.98, BKS 60A-732.39 và BKS 47A-243.47) và giả chữ ký của chủ xe, ký tên trên "Hợp đồng vay tiền" và "Hợp đồng cho thuê xe" giao cho bà H1 để làm tin. Sau đó, T lại nói dối có người cần thuê xe tự lái và ký giả chữ ký của "người thuê xe" trên "Hợp đồng cho thuê xe", rồi lấy lại 03 xe ôtô nêu trên đem bán cho người khác. Với hành vi nêu trên, bị cáo chiếm đoạt của bà H1 03 lần với tổng số tiền 932.600.000đồng. Xét Toà án cấp sơ thẩm xử bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại bà Văn Thị Thu H1, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Bị cáo Hoàng Thị Kim T chiếm đoạt của bị hại bà Văn Thị Thu H1 tổng số tiền 932.600.000đồng. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Bị cáo T đã bồi thường hết số tiền chiếm đoạt cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên án sơ thẩm áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T mức án 07 năm 06 tháng tù là thoả đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T của bị hại mà chấp nhận đề nghị của Luật sư và đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị hại bà Văn Thị Thu H1 yêu cầu Toà án truy thu số tiền 6.013.000.000đồng mà bị cáo T đã vay mượn của bị hại trước đó nhưng sử dụng sai mục đích. Hội đồng xét xử thấy: việc bị cáo T vay mượn tiền của bà H1 đã được hai bên đối chiếu, cấn trừ, cộng dồn và thống nhất chuyển thành vốn góp mua bán hàng hoá, không xác định thời hạn hoàn trả. Ngày 24/12/2020 (âm lịch), bà H1 nhắn tin cho bị cáo T xác nhận tổng các khoản bà H1 góp vốn mua bán hàng hoá với bị cáo T là 6.013.000.000đồng. Do đó, không có cơ sở cho rằng bị cáo T sử dụng số tiền này vào mục đích bất hợp pháp hoặc có sử dụng thủ đoạn gian dối gì khi vay tiền nên Cơ quan điều tra xác định khoản tiền này là giao dịch dân sự, là có căn cứ. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bà H1 là không thể chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo của bị hại bà Văn Thị Thu H1 yêu cầu xử lý bị cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe ôtô Mazda CX5 biển số 60A-701.64, xe ôtô Camry biển số 51H-189.81 và bồi thường số tiền 350.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy: tuy bị cáo T có hành vi đưa ra thông tin gian dối và cầm cố cho bà H1 hai chiếc xe ôtô mang biển số 60A-701.64 và biển số 51H-189.81 để vay hai lần với tổng số tiền 1.000.000.000đồng, nhưng tài sản thế chấp để vay tiền là hai chiếc xe ôtô nêu trên vẫn do bà H1 quản lý. Quá trình điều tra, bà H1 và gia đình bị cáo T cùng với các chủ xe ôtô đã thỏa thuận thống nhất hoàn trả lại cho nhau các tài sản như ban đầu nên không thể cho rằng bị cáo T đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền nêu trên của bà H1. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xử lý hành vi này của bị cáo T là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 350.000.000đồng thì thấy rằng: bà H1 đã xác nhận trong việc cầm cố hai xe ôtô này, bị cáo T không chiếm đoạt gì của bà. Mặt khác, Toà án chỉ xét xử về những hành vi theo tội danh Viện kiểm sát truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội

dung kháng cáo này của bà H1 như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[3] Về án phí phúc thẩm: bị hại bà Văn Thị Thu H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Văn Thị Thu H1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai).

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Thị Kim T **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2023, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến ngày 19/01/2023.

2. Về án phí phúc thẩm: bị hại bà Văn Thị Thu H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo, bị hại; Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên